

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-11-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Thanh Quan.

Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu H - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-9-2024, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày: bà H và ông Lê Minh T tổ chức lễ cưới năm 1993, đăng ký kết hôn ngày 31-7-2000 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, về lối sống và cách cư xử hàng ngày, bất đồng trong quản lý kinh tế, ông T hay ghen tuông. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không giải quyết được mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Về hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 20-11-1995 và Lê Thị Thùy N1, sinh ngày 11-6-1998. Hiện cả hai con chung đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi

con chung. Về tài sản chung và nợ chung: có tài sản chung nhưng bà H và ông T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Bà H và ông T không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Tại bản tự khai ngày 09-10-2024, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, ông Lê Minh T khai thống nhất với lời khai của bà H về điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, không có nợ chung. Ông T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn đã hơn 01 năm không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, bà H và ông T bỏ mặc nhau ai muốn sống ra sao thì sống. Ông T yêu cầu đoàn tụ. Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung ông và bà H tự thỏa thuận phân chia với nhau, ông không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về phân chia tài sản. Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết về nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lê Minh T. Ông T cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của bà H: bà H và ông T chung sống từ năm 1993, có đăng ký kết hôn ngày 31-7-2000 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp từ năm 1993 theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà H và ông T đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, ông T thường xuyên ghen tuông nên dẫn đến gây cãi nhau, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng hơn 01 năm nay mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Ông T yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp gì khác. Trong khi đó mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã lâu, đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: 02 con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 20-11-1995 và Lê Thị Thùy N1, sinh ngày 11-6-1998, đã thành niên, bà H và ông T không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà H và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: bà H và ông T khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H đối với ông Lê Minh T về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Minh T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004682 ngày 18-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Đông (ghi số hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên

